

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Sáu
- Bà Trương Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thúc B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Trần Thúc B và bà Phạm Thị T xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thúc B trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2011. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, xét thấy tình cảm

vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông B xác định, ông và bà T có 02 con chung tên là Trần Minh Q, sinh ngày 18/6/2011 và Trần Ngọc T1, sinh ngày 23/7/2014. Hiện hai cháu đang sống cùng với bà T. Khi ly hôn, ông tôn trọng ý kiến của con, con theo ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định, không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông B về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và tình trạng mâu thuẫn gia đình, bà xác định đầu năm 2022 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Bà đồng ý ly hôn với ông B. Về con chung, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Q và cháu T1, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do bà bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông B và bà T; về con chung: Giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 18/6/2011 và Trần Ngọc T1, sinh ngày 23/7/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông B không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí, ông B và bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông B khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị T, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà T hiện đang cư trú tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập ông B và bà T tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, ông B và bà T

có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà T.

[3] Quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T tự nguyện sống chung như vợ chồng năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày vào 15/11/2011 nên hôn nhân của ông B và bà T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông B và bà T xác định, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Ông B yêu cầu ly hôn với bà T, bà T cũng đồng ý ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Ông B và bà T xác định, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa ông B và bà T đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông B và bà T.

[3] Về con chung: Ông B và bà T xác định, có 02 con chung tên là Trần Minh Q, sinh ngày 18/6/2011 và Trần Ngọc T1, sinh ngày 23/7/2014. Hiện hai cháu đang sống cùng bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Q và cháu T1; ông T yêu cầu ghi nhận ý kiến của con và ông tôn trọng ý kiến của con. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi đã ghi nhận ý kiến của cháu Q và cháu T1 đều có nguyện vọng sống cùng với bà T. Xét thấy, cháu Q và cháu T1 đang sống cùng với bà T, để ổn định chỗ ở, sinh hoạt và học tập cũng như điều kiện nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Q và cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông B và bà T, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về thuận tình ly hôn.

[6] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Thúc B và bà Phạm Thị T. Ông Trần Thúc B và bà Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 18/6/2011 và Trần Ngọc T1, sinh ngày 23/7/2014 cho bà Phạm Thị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu Q và cháu T1 đang sống cùng với bà T.

Ông Trần Thúc B có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Bà Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Thúc B và bà Phạm Thị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thúc B, bà Phạm Thị T, mỗi người phải nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông Trần Thúc B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004520 ngày 24/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên chuyển thu án phí 75.000 đồng, ông Trần Thúc B được nhận lại số tiền 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSPA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh